TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **367**/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận D, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2024/HNST ngày 12 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.
HKTT: Phan Đình G, Tổ dân phố B, Thị trấn C, huyện C, Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1981;
HKTT: A Xóm C, Phường A, Quận D, TP ..

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 50/2010 ngày 15/12/2010 tại U (nay là Phường B), Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C có 01 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/3/2015. Khi ly hôn, ông, bà thống nhất giao 01 (một) con chung chưa thành niên là trẻ Nguyễn Minh T1, sinh ngày 19/3/2015 cho ông Nguyễn Minh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà Nguyễn

Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi con trưởng thành. Thực hiện tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng bà T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Minh C không có nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hòa giải thành hôn nhân gia đình sơ thẩm có cấp dưỡng là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0034393 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Bích Phượng